

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KỲ SƠN
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2025/HNGĐ-ST
Ngày 30-05-2025
*V/v tranh chấp về nuôi con của nam, nữ
chung sống với nhau như vợ chồng mà
không đăng ký kết hôn.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KỲ SƠN, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vi Thị Khuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Kha Thị Thuần;

Ông Dền Bá Lồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quang Thái Tài - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Và Bá Cửa - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 05 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kỳ Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 03 năm 2025 về “Tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2025/QĐXX-ST ngày 13 tháng 03 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Cụt Mẹ T; Sinh năm 1975.

Nơi cư trú: Bản H1, xã B, huyện K, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Cụt Phò T; Sinh năm: 1982.

Nơi cư trú: Bản H1, xã B, huyện K, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Cụt Mẹ T vắng mặt, tuy nhiên theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Cụt Mẹ T trình bày:

Về quan hệ tình cảm: Chị Cụt Mẹ T và anh Cụt Phò T tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2002, không đăng ký kết hôn tại UBND xã phường, thị trấn mà chỉ tổ chức lễ cưới, mời hai họ, anh em tới dự lễ cưới theo phong tục tại địa phương. Thời gian đầu chung sống tình cảm vợ chồng hạnh phúc, đến khoảng tháng 11 năm 2018, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách, quan điểm, lối sống không hợp, anh Cụt Phò T không quan tâm, chăm sóc gia đình, ngoài ra anh Cụt Phò T thường xuyên ngoại tình và bạo lực gia đình, nhiều lần chị Cụt Mẹ T đã bỏ qua tha thứ nhưng vẫn không thay đổi. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay tình cảm không còn chị Cụt Mẹ T

không muốn tiếp tục chung sống đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố chi và anh Cụt Phò T không phải là vợ chồng.

Về con chung: Chị Cụt Mẹ T và anh Cụt Phò T có 03 con chung là cháu Cụt Thị T, sinh ngày 24/12/2004; cháu Cụt Văn M, sinh ngày 29/03/2005 và cháu Cụt Thị Lan H, sinh ngày 05/10/2007, nay không công nhận chi và anh Cụt Phò T là vợ chồng các cháu Cụt Thị T và cháu Cụt Văn M đã trưởng thành chị Cụt Mẹ T không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị Cụt Mẹ T có nguyện vọng được nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Cụt Thị Lan H cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh Cụt Phò T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Nguyên đơn chị Cụt Mẹ T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bị đơn anh Cụt Phò T vắng mặt, tuy nhiên tại bản tự khai, đơn xin giải quyết vắng mặt và quá trình giải quyết vụ án, anh Cụt Phò T trình bày:

Về quan hệ tình cảm: Anh Cụt Phò T thừa nhận về thời gian, địa điểm chung sống đúng như chị Cụt Mẹ T trình bày. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, yêu thương nhau, cùng nhau vun vén xây dựng gia đình. Đến khoảng tháng 11 năm 2018, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách, quan điểm, lối sống không hợp. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Hiện nay tình cảm giữa hai bên không còn, đời sống chung hòa hợp, anh đồng ý đề nghị Tòa án không công nhận anh và Cụt Mẹ T là vợ chồng.

Về con chung: Anh và chị Cụt Mẹ T có 03 con chung là cháu Cụt Thị T, sinh ngày 24/12/2004; cháu Cụt Văn M, sinh ngày 29/03/2005 và cháu Cụt Thị Lan H, sinh ngày 05/10/2007, nay không công nhận anh và chị Cụt Mẹ T là vợ chồng các cháu Cụt Thị T và cháu Cụt Văn M đã trưởng thành anh Cụt Phò T không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị Cụt Mẹ T có nguyện vọng được nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Cụt Thị Lan H cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Cụt Phò T cũng đồng ý như ý kiến của chị Cụt Mẹ T. Về cấp dưỡng anh Cụt Phò T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Bị đơn anh Cụt Phò T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền, xác định quan hệ tranh chấp; Trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ, tổng đạt đảm bảo quyền của đương sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự từ Điều 239 đến Điều 260 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của Thư ký phiên tòa được thực hiện đúng quy định tại Điều 51 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 9, 14, 15, 53, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa

án, xử: Về hôn nhân: Không công nhận chị Cụt Mẹ T và anh Cụt Phò T là vợ chồng; về con chung: Các cháu Cụt Thị T, sinh ngày 24/12/2004; cháu Cụt Văn M, sinh ngày 29/03/2005 đã đủ 18 tuổi, trưởng thành đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Giao cháu Cụt Thị Lan H, sinh ngày 05/10/2007 cho chị Cụt Mẹ T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Cụt Phò T do hai bên đương sự thỏa thuận thống nhất không yêu cầu; về tài sản chung và các khoản nợ chung: Chị Cụt Mẹ T và anh Cụt Phò T thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; về án phí: Chị Cụt Mẹ T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Cụt Mẹ T yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh Cụt Phò T là vợ chồng có địa chỉ cư trú tại xã B, huyện K, tỉnh Nghệ An. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về “Tranh chấp về nuôi con của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kỳ Sơn theo quy định tại khoản 7 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ kiện Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành tốt các quyết định của Tòa án. Nguyên đơn chị Cụt Mẹ T và bị đơn anh Cụt Phò T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên việc giải quyết vụ án, xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định tại Điều 207 và Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là có căn cứ, đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ tình cảm chung sống với nhau như vợ chồng: Chị Cụt Mẹ T và anh Cụt Phò T tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2002 đến nay, không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền mà chỉ làm lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương nên theo quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình thì quan hệ giữa chị Cụt Mẹ T và anh Cụt Phò T không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ và chồng. Sau thời gian chung sống với nhau thì đến khoảng tháng 11 năm 2018, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách, quan điểm, lối sống không hợp, anh Cụt Phò T không quan tâm, chăm sóc gia đình, ngoài ra anh Cụt Phò T thường xuyên ngoại tình và bạo lực gia đình, nhiều lần chị Cụt Mẹ T đã bỏ qua tha thứ nhưng vẫn không thay đổi. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Hiện nay chị Cụt Mẹ T không còn tình cảm với anh Cụt Phò T, không muốn tiếp tục duy trì cuộc sống chung đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố chị và anh Cụt Phò T không phải là vợ chồng. Anh Cụt Phò T cũng đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố anh và chị Cụt Mẹ T không phải là vợ chồng. Xét thấy, việc chung sống, thời gian chung sống giữa chị Cụt Mẹ T và anh Cụt Phò T là đúng thực tế, nay có bên yêu cầu ly hôn nên căn cứ các Điều

9, 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố chị Cụt Mẹ T và anh Cụt Phò T không phải là vợ chồng.

[3.2] Về con chung: Chị Cụt Mẹ T và anh Cụt Phò T trong thời gian chung sống có 03 con chung là cháu Cụt Thị T, sinh ngày 24/12/2004; cháu Cụt Văn M, sinh ngày 29/03/2005 và cháu Cụt Thị Lan H, sinh ngày 05/10/2007. Nay không công nhận là vợ chồng, chị Cụt Mẹ T và anh Cụt Phò T thống nhất: Các cháu Cụt Thị T, sinh ngày 24/12/2004; cháu Cụt Văn M, sinh ngày 29/03/2005 đã đủ 18 tuổi, trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giao cháu Cụt Thị Lan H, sinh ngày 05/10/2007 cho chị Cụt Mẹ T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Xét thấy, cháu Cụt Thị Lan H có đơn xin nguyện vọng được ở với chị Cụt Mẹ T, chị Cụt Mẹ T và anh Cụt Phò T thống nhất được về việc nuôi dưỡng và chăm sóc con chung. Vì vậy, giao cháu Cụt Thị Lan H, sinh ngày 05/10/2007 cho chị Cụt Mẹ T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) là phù hợp, đúng quy định, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Do chị Cụt Mẹ T và anh Cụt Phò T thống nhất không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng đối với anh Cụt Phò T. Trường hợp chị Cụt Mẹ T nuôi con không đảm bảo quyền, lợi ích của con mà anh Cụt Phò T có căn cứ chứng minh thì có quyền làm đơn thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn. Trường hợp anh Cụt Phò T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Cụt Mẹ T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Cụt Phò T.

[3.3] Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Chị Cụt Mẹ T và anh Cụt Phò T thống nhất không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Các đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về việc giải quyết toàn bộ vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Cụt Mẹ T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và 84 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Cụt Mẹ T.

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Cụt Mẹ T và anh Cụt Phò T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao 01 con chung là cháu Cụt Thị Lan H, sinh ngày 05/10/2007 cho chị Cụt Mẹ T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Cụt Phò T. Anh Cụt Phò T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở. Trường hợp chị Cụt Mẹ T là người trực tiếp nuôi con chung không đảm bảo quyền, lợi ích của con mà anh Cụt Phò T có căn cứ chứng minh thì anh Cụt Phò T có quyền yêu cầu Tòa án xem xét, thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp anh Cụt Phò T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Cụt Mẹ T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Cụt Phò T.

3. Về án phí: Chị Cụt Mẹ T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001144 ngày 24/03/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An. (Chị Cụt Mẹ T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND huyện Kỳ Sơn;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS huyện Kỳ Sơn;
- Lưu hồ sơ; VP.TA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Vi Thị Khuyên